

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày 22-9-2023
V/v trA chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà và bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân A – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “TrA chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Minh T; địa chỉ: Số 07/5/61 Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu 5, thị trấn D Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên GI và ông Lê Đức GI, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 16/28 Đội Vãn, phường Trại Chuối, quận H Bàng, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/11/2021). Ông Nguyễn Văn H có mặt; ông Lê Đức GI vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần A TH; địa chỉ: Số 127 Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đỗ Hog D, sinh năm 1976; địa

chỉ: Số 38A(số mới 70)/34 phố Chợ Hàng, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/11/2020); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần L H; địa chỉ: Số 141B Lê H Phong, phường PH Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3.2. Ông Trần Khải Ho; địa chỉ: Số 36C, ngõ M H, tổ 28B, phường Bạch M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.3. Ông Trần Như S; địa chỉ: Số 02 Điện Biên Phủ, phường Cửa N, quận Ho Kiếm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.4. Bà Trần Thị Cẩm T; địa chỉ: Số 02 Điện Biên Phủ, phường Cửa N, quận Ho Kiếm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.5. Ông Trần Bảo L; địa chỉ: Số 02 Điện Biên Phủ, phường Cửa N, quận Ho Kiếm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.6. Bà Trần Thị Cẩm TH; địa chỉ: Số 25 Cửa N, phường Cửa N, quận Ho Kiếm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.7. Bà Trần Bảo NG; địa chỉ: Số 99 Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị Bích NG; địa chỉ: Tổ 11, khu phố 3, phường PH Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.9. Ông Nguyễn Quốc TU; địa chỉ: Khu phố 3, phường PH Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.10. Ông Nguyễn Quốc D; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường PH Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.11. Ông Nguyễn Quốc TH; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường PH Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.12. Bà Nguyễn Thị L H; địa chỉ: Số 490 Điện Biên Phủ, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.13. Ông Nguyễn Đình D; địa chỉ: Số 538 đường Cách mạng tháng 8,

phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.14. Ông Nguyễn Đình N; địa chỉ: Số 536 đường Cách mạng tháng 8, phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.15. Bà Nguyễn Thị Bích L; địa chỉ: Số 536 đường Cách mạng tháng 8, phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.16. Bà Nguyễn Thị PH M; Số 536 đường Cách mạng tháng 8, phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.17. Bà Nguyễn Thị PH L; Số 512/7B Trương Công Định, Phường 8 đường Cách mạng tháng 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.18. Bà Nguyễn Thị Minh TA; địa chỉ: Số 536 đường Cách mạng tháng 8, phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.19. Ông Nguyễn Đình PH; địa chỉ: Số 536 đường Cách mạng tháng 8, phường PH Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt.

3.20. Ông Trần TU A; địa chỉ: Số 5/92/96 đường Chợ Hàng, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.21. Ông Trần V C; địa chỉ: Tổ 5, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.22. Bà Trần Vân A; địa chỉ: Số 59 đường Mường Cầu Tre, Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.23. Bà Nguyễn Thị M PH; địa chỉ: Số 9/401 Lán Bè, phường Lam S, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.24. A Trần Duy ThA; địa chỉ: Số 9/401 Lán Bè, phường Lam S, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.25. Chị Trần M CH; địa chỉ: Số 9/401 Lán Bè, phường Lam S, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.26. Bà Phạm Thu H; địa chỉ: Số 127 Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.27. Bà Trần Thị BH; địa chỉ: Tổ 4, phường Trung Trắc, thành phố Phúc

Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (đã chết ngày 02/7/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị BH: gồm cH và các con của bà Hợp. Tuy nhiên, cH bà Hợp là ông Nguyễn Văn Lễ đã chết năm 2012 (*chết trước bà Hợp*) nên 04 người con đẻ của bà Hợp là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hợp, gồm:

- Ông Nguyễn A V; địa chỉ: Tổ 4, phường Trung Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (là con đẻ của bà Hợp); vắng mặt.

- Ông Nguyễn V H; địa chỉ: Khu An D, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (là con đẻ của bà Hợp); vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T M; địa chỉ: Tổ 1, phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (là con đẻ của bà Hợp); vắng mặt.

- Ông Nguyễn V PH; địa chỉ: Số 27 Sóc S, tổ 5, phường Trung Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (là con đẻ của bà Hợp); vắng mặt.)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn: Bà Trần Minh T và bị đơn: Ông Trần A TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ đẻ của nguyên đơn là cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L. Cụ Hiến chết ngày 28 tháng 10 năm 1966 Âm lịch (cha mẹ đẻ của cụ Hiến chết từ hồi nguyên đơn chưa sinh ra; cụ Hiến không có cha mẹ nuôi, con nuôi); cụ L chết ngày 06 tháng 5 năm 1990 Âm lịch (bố mẹ đẻ của cụ L chết trước cụ L; cụ L không có cha mẹ nuôi, con nuôi); khi chết các cụ đều không để lại di chúc.

Cụ Hiến và cụ L có 08 người con đẻ gồm:

1. Bà Trần Bích Thuận, sinh năm 1925
2. Ông Trần Văn Thái, sinh năm 1929
3. Bà Trần Khánh Hòa (là con thứ ba, nhưng không nhớ chính xác năm sinh)
4. Bà Trần Thị BH, sinh năm 1932
5. Bà Trần Thị Bích Hiệp, sinh năm 1933
6. Bà Trần Minh T sinh năm 1940

7. Ông Trần Khải Ho, sinh năm 1942

8. Bà Trần L H, sinh năm 1947.

Trong số 08 người con trên của cụ Hiến và cụ L, thì:

- Bà Trần Bích Thuận đã chết ngày 29/12/2018. Bà Thuận có cH là Nguyễn Văn Phiêm đã chết ngày 18/7/2004 và 08 người con đẻ là: Nguyễn Thị L H, Nguyễn Đình D, Nguyễn Đình N, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị PH M, Nguyễn Thị PH L, Nguyễn Thị Minh TA, Nguyễn Đình PH; không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

- Ông Trần Minh Thái đã chết ngày 10/7/1970. Ông Thái có vợ là Trịnh Thị Như Bảo đã chết ngày 08/4/2012 và 05 người con đẻ là: Trần Như S, Trần Thị Cẩm T, Trần Bảo L, Trần Thị Cẩm TH, Trần Bảo NG; không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

- Bà Trần Khánh Hòa đã chết ngày 07/12/2004. Bà Hòa có cH là Trần Văn Thọ chết ngày 12/02/1997 và 05 người con đẻ là: Trần TU A, Trần V C, Trần Văn A, Trần Quốc TH, Trần A TH (bị đơn); không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Trong đó, A Trần Quốc TH đã chết năm 2009; A TH có vợ là Nguyễn Thị M PH và 02 con đẻ là Trần Duy ThA, Trần M CH; không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

- Bà Trần Thị BH đã chết ngày 02/7/2021. Bà Hợp có cH là Nguyễn Văn Lễ đã chết năm 2012 và có 04 người con đẻ là: Nguyễn A V, Nguyễn V H, Nguyễn Thị T M, Nguyễn V PH; không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

- Bà Trần Thị Bích Hiệp đã chết ngày 26/3/2014. Bà Hiệp có cH là Nguyễn Văn Khang chết ngày 16/01/1992 và 04 người con đẻ là: Nguyễn Thị Bích NG, Nguyễn Quốc TU, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc TH; không có cha mẹ nuôi và con nuôi.

Di sản cụ Hiến và cụ L để lại gồm: 02 căn nhà (nhà số 03 và số 05) nằm trên tổng diện tích khoảng 200,66m² tại phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Khi còn nhỏ, các con của hai cụ sinh sống tại đây cùng với hai cụ. Đến khi trưởng thành, các A chị em của nguyên đơn đi làm ăn xa, nhưng vẫn qua lại H khói tổ tiên. Sau khi 02 cụ chết, 02 căn nhà và toàn bộ diện tích đất nêu trên do bà Trần Khánh Hòa quản lý sử dụng cùng cH và 05 người con của bà Hòa. Ngày 29/7/2015, Ủy ban nhân dân quận Kiến An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất trên cho chủ sử dụng đất là ông Trần A TH (con trai của bà Trần Khánh Hòa và ông Trần Văn Thọ). Ngày 15/3/2017, Ủy ban nhân dân quận Kiến An đã cấp Giấy phép xây dựng đồng ý cho ông TH xây nhà 03 tầng kiên cố trên một phần của diện tích đất nêu trên. Sau khi nguyên đơn khởi kiện vụ án hành chính, tại bản án hành chính phúc thẩm số 32/2019/HC-PT ngày 25/02/2019 Tòa cấp cao tại Hà Nội đã

giữ nguyên phần quyết định của bản án Hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 838730 Ủy ban nhân dân quận Kiến An đã cấp cho ông Trần A TH.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết CHa di sản thừa kế là 02 căn nhà (mỗi căn khoảng 40m²) và diện tích khoảng 200,66m² đất tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn có quan điểm:

Bố bị đơn là ông Trần Văn Thọ và mẹ bị đơn là bà Trần Khánh Hòa kết hôn với nhau 1950. Sau khi kết hôn bố mẹ bị đơn chung sống tại nhà số 127 phố Hog Thiết TA. Bị đơn không biết nguồn gốc của nhà số 127 phố Hog Thiết TA là của ai và có từ bao giờ. Khi còn nhỏ các A chị em của bị đơn đều sinh sống tại đây cùng với bố mẹ. Khi các A chị trưởng thành đều ở riêng, riêng bị đơn là con út vẫn ở cùng bố mẹ. Bố bị đơn chết năm 1997, mẹ bị đơn chết năm 2004 đều không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ chết, các A chị của bị đơn đã lập văn bản thống nhất để bị đơn quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích nhà và đất tại số 127 phố Hog Thiết TA để thờ cúng tổ tiên. Năm 2015, toàn bộ diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân quận Kiến An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 838730. Năm 2017, bị đơn xin cấp Giấy phép xây dựng để xây sửa lại nhà và đã được Ủy ban nhân dân quận Kiến An đồng ý nên bị đơn đã xây nhà ở kiên cố như hiện tại. Sau đó, do nguyên đơn khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 838730. Sau khi bị đơn kháng cáo, Tòa cấp cao tại Hà Nội đã giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Do bị đơn không biết về nguồn gốc của thửa đất và do nguyên đơn không chứng minh được thửa đất bị đơn đang quản lý sử dụng là di sản của ông bà ngoại bị đơn (cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L) để lại nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH, ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG, ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH, bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH (đều ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn) cùng trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là bà Trần Minh T. Đề nghị Tòa án CHa di sản thừa kế của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L để lại theo yêu cầu của bà Trần Minh T và được nhận di sản bằng

giá trị hiện vật; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đã ủy quyền cho bà Trần Minh T.

- Ông Trần TU A, bà Trần Vân A thống nhất trình bày: Ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A và bị đơn (ông Trần A TH) là con đẻ của bà Trần Khánh Hòa và ông Trần Văn Thọ. Nhà đất tại số 127 phố Hog Thiết TA có nguồn gốc là của ông bà ngoại - cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L. Khi còn nhỏ, các ông bà sống cùng với bố mẹ và ông bà ngoại tại diện tích đất này. Sau khi ông bà ngoại và bố mẹ chết, các ông bà đã làm văn bản thống nhất để ông Trần A TH quản lý, sử dụng diện tích đất này để thờ cúng ông bà tổ tiên. Bà Trần Vân A không đồng ý CHa di sản thừa kế, ông Trần TU A yêu cầu Tòa án CHa di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì lý do sức khỏe ông Trần TU A và bà Trần Vân A yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

- Ông Trần V C trình bày: Ông không biết nguồn gốc diện tích nhà đất tại số 127 phố Hog Thiết TA là của ông bà ngoại hay của bố mẹ ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết CHa di sản thừa kế theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị M PH trình bày: Bà là vợ ông Trần Quốc TH (ông TH là con đẻ của bà Trần Khánh Hòa và ông Trần Văn Thọ); ông TH đã chết năm 2009. Bà PH và ông TH có 02 con chung là Trần Duy ThA và Trần M CH. Diện tích đất tại nhà số 127 phố Hog Thiết TA là của ông bà ngoại ông TH (cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L) đã cho bố mẹ CH bà. Bà PH không có yêu cầu độc lập và bà yêu cầu Tòa án giải quyết CHa di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh T về việc CHa di sản thừa kế là quyền sử dụng đất với diện tích là 94m² đất tại phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L:

1.1. Giao cho ông Trần A TH và bà Phạm Thu H được quyền sử dụng 94m² đất (S1) nằm trong tổng diện tích 237,6m² đất của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 303591-7(-13) hiện là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, Tờ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; thửa đất có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp đất của ông/bà TH Lực: Từ mốc 1 đến mốc 2 dài 9,1m; từ mốc 2 đến mốc 3 dài 2,76m; từ mốc 3 đến mốc 3-1 dài 2,49m.

- Phía giáp với diện tích phần đất phía sau (S2): Từ mốc 3-1 đến mốc 15 dài 7,32m.

- Phía giáp đất của ông/bà L Hà: Từ mốc 15 đến mốc 16 dài 2,68m; từ mốc 16 đến mốc 17 dài 11m.

- Phía giáp đường Hog Thiết TA: Từ mốc 17 đến mốc 1 dài 7,13m.

(có sơ đồ kèm theo)

1.2. Ông Trần A TH và bà Phạm Thu H có trách nhiệm thA toán cho các đồng thừa kế giá trị phần tài sản mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

- ThA toán cho bà Trần Minh T số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho bà Trần L H số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho ông Trần Khải Ho số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Bích Thuận là: Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Thái là: Ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Bích Hòa là: Ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A, ông Trần A TH, bà Nguyễn Thị M PH, A Trần Duy ThA và chị Trần M CH số tiền là: 878.004.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi tám triệu, không trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần BH là: Ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Thị Bích Hiệp là: Bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH số tiền là: 575.244.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh T về việc CHa di sản thừa kế của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L là 02 căn nhà (mỗi căn khoảng 40m²) tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH L đới phải nộp 27.010.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG L đới phải nộp 27.010.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A, ông Trần A TH, bà Nguyễn Thị M PH, A Trần Duy ThA và chị Trần M CH L đới phải nộp 38.340.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH L đới phải nộp 27.010.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH L đới phải nộp 27.010.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã được làm tròn).

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Minh T, bà Trần L H và ông Trần Khải Ho.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo:

- Ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được kháng cáo của ông Trần A TH. Nội dung: Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận CHa di sản thừa kế phần tài sản của cụ Trần Văn Hiến, chết năm 1966 và định giá tài sản trị giá quyền sử dụng đất do cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện.

- Ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của bà Trần Thị T. Nội dung: Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An,

thành phố Hải Phòng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm CHa tài sản thừa kế còn lại là 143m² tọa lạc tại số 127 đường Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng và đề nghị CHa lại di sản thừa kế là diện tích 94m² của cụ Hiến và cụ L theo hướng giao toàn bộ di sản bằng hiện vật cho bà T quản lý, sử dụng để đảm bảo việc thi hành án hoặc bán đấu giá tài sản để CHa thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn: Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Minh T: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo hướng: Phân CHa lại quyền sử dụng diện tích 94m² tại thửa số 178, tờ bản đồ số 303591-7-(13) hiện là nhà số 127 đường Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bằng hiện vật; giao cho bà Trần Minh T được quản lý, sử dụng phần diện tích đất là di sản của hai cụ.

+ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu CHa nốt phần di sản thừa kế còn lại là 143m² tọa lạc tại số 127 đường Hog Thiết TA, Bắc S, Kiến An, Hải Phòng.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận CHa di sản thừa kế phần tài sản của cụ Trần Văn Hiến, chết năm 1966 và định giá tài sản trị giá quyền sử dụng đất do cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tra tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ trA chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 28/9/2022. Ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được kháng cáo của ông Trần A TH. Ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của bà Trần Thị T. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn bảo đảm theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu CHa di sản thừa kế:

[3.1] Cụ Nguyễn Thị L chết ngày 06 tháng 5 năm 1990 Âm lịch. Theo Nghị quyết số 02/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì từ ngày 01/01/2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế. Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu CHa di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu CHa di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3.2] Cụ Trần Văn Hiến chết ngày 28 tháng 10 năm 1966 Âm lịch, hết thời hiệu yêu cầu CHa di sản thừa kế của cụ Hiến. Tuy nhiên, các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với di sản thừa kế của cụ Hiến là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nhận định về thời hiệu yêu cầu CHa thừa kế đối với cụ Trần Văn Hiến.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo:

1. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân CHa di sản là: 02 căn nhà (mỗi căn khoảng 40m²) và quyền sử dụng diện tích khoảng 200,66m² đất tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng do cụ Hiến và cụ L để lại.

[4] Về nguồn gốc, hiện trạng di sản thừa kế:

[4.1] Theo lời khai của nguyên đơn, tại diện tích đất là di sản thừa kế có 02 căn nhà cấp 4, mỗi căn khoảng 40m² do cụ Hiến và cụ L xây khi hai cụ còn sống. Tại Văn tự bán đoạn nhà và nhượng quyền CHếm cứ đất công tại thị xã Kiến An ghi ngày 02/6/1954 (người bán là cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H, người mua là cụ Nguyễn Thị L và cụ Trần Văn Hiến) do nguyên đơn giao nộp cho Tòa

án cũng thể hiện, cụ Hiến và cụ L mua 02 chân móng nền nhà có tổng diện tích là 94m².

[4.2] Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ (trên diện tích đất tại số nhà 127 phố Hog Thiết TA không còn tồn tại 02 căn nhà như lời trình bày của nguyên đơn và cũng không còn tồn tại chân móng nhà như trong Văn tự ngày 02/6/1954 thể hiện. Các đương sự đều thừa nhận 02 căn nhà số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng do cụ Hiến và cụ L để lại đã bị phá bỏ vào khoảng năm 2016, 2017 khi bị đơn xây dựng nhà hiện nay.

[4.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn khai 02 căn nhà này do bị CHén trA tàn phá nên không còn, năm 1982 ông Trần Khải Ho đã phải bỏ tiền ra xây dựng lại trên nền đất cũ, hiện là gian nhà cấp 4 phía mặt tiền của thửa đất, giáp với phố Hog Thiết TA mà A Trần A TH sử dụng làm quán bán hàng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn khai toàn bộ tài sản trên đất tại số 127 phố Hog Thiết TA là do vợ cH bị đơn đầu tư xây dựng năm 2017. Do đó, không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

2. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân CHa di sản thừa kế là diện tích khoảng 200,66m² đất tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, Hải Phòng.

[5] Về nguồn gốc của thửa đất đang có trA chấp:

[5.1] Tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng thể hiện: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 303591-7-(13), tại số 127 đường Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng hiện ông Trần A TH đang quản lý, sử dụng.

[5.2] Về nguồn gốc của thửa đất: Thời điểm trước năm 1998, Ủy ban nhân dân phường Bắc S không có tài liệu lưu giữ về thửa đất này nên không biết của ai. Từ năm 1998, sau khi nhà nước đo vẽ, lập bản đồ địa chính thì thửa đất mang tên ông Trần Văn Thọ và bà Trần Thị Khánh Hòa là bố mẹ đẻ của ông Trần A TH.

[5.3] Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã ủy quyền cho nguyên đơn trình bày, toàn bộ 02 căn nhà (mỗi căn khoảng 40m²) nằm trên tổng diện tích khoảng 200,66m² tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là di sản của bố mẹ nguyên đơn là cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L để lại. Ngoài lời trình bày thì nguyên đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: 01 giấy bán đoạn chân móng nền nhà ghi ngày 21/7/1950 (người bán là cụ Trần Ấm, người mua là cụ Phùng Kam SA), 01 giấy phép làm nhà ghi ngày 15/5/1951 có chữ ký và con dấu xác nhận của Tỉnh trưởng Kiến An cấp cho cụ Phùng Kam

SA; 01 Văn tự bán đoạn nhà và nhượng quyền CHêm cứ đất công tại thị xã Kiến An ghi ngày 02/6/1954 (người bán là cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H, người mua là cụ Nguyễn Thị L và cụ Trần Văn Hiến). Các tài liệu chứng cứ đều có con dấu xác nhận của cơ quan Nhà nước thuộc chế độ cũ. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã ủy quyền cho nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, xác định được diện tích đất đang có trA chấp có nguồn gốc ban đầu là của cụ Trần Ấm. Ngày 21/7/1950 cụ Trần Ấm bán cho cụ Phùng Kam SA. Ngày 02/6/1954 cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H bán lại cho cụ Nguyễn Thị L và cụ Trần Văn Hiến. Theo các giấy tờ mua bán nhà giữa cụ Trần Ấm và cụ Phùng Kam SA; giữa cụ Phùng Kam SA, cụ Neono Kim H và cụ Nguyễn Thị L, cụ Trần Văn Hiến thì các rA giới, mốc giới của thửa đất được mô tả thống nhất như sau: Phía Đông giáp Trần Văn Bích (giấy mua bán sau là Trần Văn Ánh), phía Tây giáp Đặng Đức Xương, phía N giáp dinh Tỉnh trưởng, phía Bắc giáp quan lộ (đường đi). Như vậy, căn cứ vào mô tả mốc giới giữa các văn bản nêu trên, Hội đồng xét xử xác định thửa đất cụ Hiến và cụ L mua của cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H theo văn bản ngày 02/6/1954 chính là thửa đất cụ Phùng Kam SA mua của cụ Trần Ấm theo văn bản ngày 21/7/1950.

[5.4] Nguyên đơn trình bày, ngoài diện tích đất này ra, cụ Hiến và cụ L không còn thửa đất và tài sản nào khác.

[5.5] Bị đơn không thừa nhận về nguồn gốc diện tích đất nêu trên nhưng tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc thửa đất đang có trA chấp từ thời điểm trước năm 1998.

[5.6] Các A chi ruột của bị đơn cũng xác nhận nguồn gốc đất tại số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L.

[5.7] Như vậy, có đủ căn cứ xác định nguồn gốc đất đang có trA chấp là của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L để lại.

[6] Về vị trí của di sản thừa kế:

[6.1] Căn cứ vào Văn tự bán đoạn nhà và nhượng quyền CHêm cứ đất công tại thị xã Kiến An ghi ngày 02/6/1954 do nguyên đơn cung cấp, văn tự có thể hiện rõ: Cụ Phùng Kam SA, cụ Neono Kim H bán cho cụ Nguyễn Thị L và cụ Trần Văn Hiến toàn bộ chân móng và nhà cửa tại lô đất số 59 tờ bản đồ số 2 thị xã Kiến An với giá tiền là 3 vạn đồng bạc.

[6.2] Tại Giấy phép làm nhà ngày 15/5/1951, Tỉnh trưởng tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng cũng đã đồng ý cho cụ Phùng Kam SA xây căn nhà tại thửa đất số 59 tờ 02 thị xã Kiến An. Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tiến hành xác

minh để làm rõ vị trí của thửa đất, tuy nhiên các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đều không còn lưu giữ tài liệu chứng cứ về vị trí các thửa đất tại thời điểm từ năm 1950 đến năm 1954 (thời điểm cụ Hiến và cụ L mua nhà).

[6.3] Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng xác định, nhà số 127 phố Hog Thiết TA chính là vị trí của di sản do cụ Hiến và cụ L để lại. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận, mẹ bị đơn sống ở đó cũng với cụ Hiến và cụ L, sau khi mẹ bị đơn kết hôn với bố bị đơn hai người ở cùng nhà đất với cụ Hiến và cụ L, các A chị của bị đơn và bị đơn cũng sinh ra và lớn lên tại nhà đất của cụ Hiến và cụ L. Sau khi ông bà ngoại của bị đơn là cụ Hiến và cụ L và bố mẹ bị đơn chết, bị đơn là người quản lý, sử dụng tài sản này cho đến năm 2017 vợ chồng bị đơn đã phá căn nhà cấp 4 đi xây nhà 03 tầng kiên cố như hiện tại, còn vị trí và diện tích đất vẫn không thay đổi.

[6.4] Theo Công văn số 463/UBND-TNMT ngày 10/3/2022 của Ủy ban nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: *“Kết quả xác minh đối với một số hộ dân sinh sống lâu đời tại khu vực mặt đường Hog Thiết TA khẳng định từ ngõ 67 Hog Thiết TA hiện nay đến chân cầu treo Kiến An trước đây có tên gọi là phố Lê Lợi. Theo từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng do Nhà xuất bản Hải Phòng biên soạn năm 1998 thì phố Hog Thiết TA thuộc quận Kiến An dài 600m từ trạm gác Quân khu 3 đến đầu cầu treo Kiến An trước năm 1945 gọi là phố Lê Lợi”*.

[6.5] Xác định vị trí di sản thừa kế do cụ Hiến và cụ L để lại chính là nhà đất số 127 phố Hog Thiết TA, tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng do ông Trần A TH đang quản lý, sử dụng.

[7] Về diện tích của di sản thừa kế:

[7.1] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tổng diện tích đất tại địa chỉ số 127 phố Hog Thiết TA, tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là 237,6m².

[7.2] Tại Văn tự bán đoạn nhà và nhượng quyền CHếm cứ đất công tại thị xã Kiến An ghi ngày 02/6/1954, cụ Hiến và cụ L đã mua 02 chân móng nền nhà với tổng diện tích là 94m².

[7.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn khai, tại thời điểm mua diện tích đất nói trên cụ Hiến và cụ L đang sử dụng nhà số 05 phố Lê Lợi cũ được thể hiện tại phần địa chỉ của hai cụ ghi trong Văn tự bán đoạn nhà và nhượng quyền CHếm cứ đất công tại thị xã Kiến An ghi ngày 02/6/1954; sau này hai địa chỉ đó sáp nhập là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, trong Văn tự này lại không thể hiện mảnh đất các cụ mua của cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H có cạnh T giáp với thửa đất của cụ Hiến và cụ L; nguyên đơn không chứng minh được sự chênh

lệch giữa diện tích đất cụ Hiến và cụ L đã mua theo nội dung văn bản ngày 02/6/1954 so với diện tích đất thực tế bị đơn đang quản lý sử dụng.

[7.4] Ngoài Văn tự ngày 02/6/1954, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cụ Hiến và cụ L được nhà nước giao đất, nhận chuyển nhượng hay khai hoang thêm ngoài diện tích 94m² đất đã mua của cụ Phùng Kam SA và cụ Neono Kim H. Do nguyên đơn không chứng minh được diện tích đất chênh lệch ($237,6 \text{ m}^2 - 94 \text{ m}^2 = 143,6 \text{ m}^2$) này có phải do cụ Hiến và cụ L để lại hay không. Tòa cấp sơ thẩm chỉ xác định di sản thừa kế của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L để lại là 94m² đất nằm trong tổng diện tích 237,6m² tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 303591-7-(13) hiện là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng mà bị đơn đang quản lý, sử dụng là có căn cứ.

[8] Về CHa di sản thừa kế:

[8.1] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L chỉ có 08 người con đẻ là: Bà Trần Bích Thuận, ông Trần Văn Thái, bà Trần Khánh Hòa, bà Trần Thị BH, bà Trần Thị Bích Hiệp, bà Trần Minh T, ông Trần Khải Ho, bà Trần L H; cha mẹ đẻ của các cụ đều chết trước các cụ; các cụ không có cha mẹ nuôi, con nuôi; khi chết 02 cụ không để lại di chúc nên là thừa kế theo pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Di sản của 02 cụ để lại được xác định là quyền sử dụng 94m² đất nằm trong tổng diện tích 237,6m² tại thửa đất số 178, tờ bản đồ số 303591-7-(13) hiện là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, Tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, do thời điểm mở thừa kế của 02 cụ khác nhau nên di sản này sẽ được phân CHa như sau:

[8.2] Cụ Trần Văn Hiến chết ngày 28/10/1966 Âm lịch: Di sản của cụ Hiến để lại là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất nói trên (vì đây là tài sản chung của cụ Hiến và cụ L trong thời kỳ hôn nhân) là: 94m² đất : 2 phần = 47m² đất. Những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Hiến gồm có cụ Nguyễn Thị L, bà Trần Bích Thuận, ông Trần Văn Thái, bà Trần Khánh Hòa, bà Trần Thị BH, bà Trần Thị Bích Hiệp, bà Trần Minh T, ông Trần Khải Ho, bà Trần L H là những người cùng hàng thừa kế thứ nhất nên được hưởng phần di sản bằng nhau (theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015). Cụ thể mỗi suất thừa kế được hưởng là: 47m² đất : 9 suất thừa kế = 5,22m² đất/suất.

[8.3] Cụ Nguyễn Thị L chết ngày 06/5/1990 Âm lịch: Di sản của cụ L để lại bao gồm quyền sử dụng 47m² đất (là tài sản chung của cụ L và cụ Hiến trong thời kỳ hôn nhân) và quyền sử dụng 5,22m² đất là phần tài sản cụ L được hưởng thừa kế của cụ Hiến. Như vậy, tổng cộng di sản của cụ L để lại là quyền sử dụng là 47m² + 5,22m² = 52,22 m² đất. Những người được hưởng thừa kế di sản của cụ L gồm có bà

Trần Bích Thuận, các con đẻ của ông Trần Văn Thái (do ông Thái chết trước cụ L nên các con đẻ của ông Thái là những người thừa kế TH vị theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015), bà Trần Khánh Hòa, bà Trần Thị BH, bà Trần Thị Bích Hiệp, bà Trần Minh T, ông Trần Khải Ho, bà Trần L H là những người cùng hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật sẽ được hưởng phần di sản bằng nhau (theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015).

[8.4] Vợ chồng bà Hòa cùng các con của vợ chồng bà Hòa là người quản lý di sản, có công sức lớn trong việc giữ gìn, trông nom, quản lý di sản nên được hưởng phần công sức là 1 suất thừa kế - quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, di sản của cụ L được chia đều thành 9 suất, mỗi suất là: $52,22\text{m}^2 : 9 = 5,8\text{m}^2$ đất, trong đó:

[8.5] Bà Trần Bích Thuận, các con đẻ của ông Trần Văn Thái, bà Trần Khánh Hòa, bà Trần Thị BH, bà Trần Thị Bích Hiệp, bà Trần Minh T, ông Trần Khải Ho, bà Trần L H mỗi suất được hưởng suất thừa kế của cụ L để lại bằng nhau là $5,8\text{m}^2$ đất. Tổng cộng phần di sản bà Trần Bích Thuận, các con đẻ của ông Trần Văn Thái (do ông Thái chết trước cụ L nên các con đẻ của ông Thái là những người thừa kế TH vị theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015), bà Trần Thị BH, bà Trần Thị Bích Hiệp, bà Trần Minh T, ông Trần Khải Ho, bà Trần L H mỗi suất được hưởng phần di sản của cụ Hiền và cụ L để lại là quyền sử dụng: $5,22\text{m}^2 + 5,8\text{m}^2 = 11,02\text{m}^2$ đất. Riêng bà Trần Khánh Hòa được hưởng 2 suất thừa kế do có công bảo quản di sản và phần di sản của cụ Hiền và cụ L để lại là quyền sử dụng: $5,22\text{m}^2 + 5,8\text{m}^2 + 5,8\text{m}^2 = 16,82\text{m}^2$ đất.

[9] Về định giá tài sản:

[9.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá đất đang có trả chấp là $52.200.000\text{đ}/\text{m}^2$. Bị đơn không đồng ý với kết quả này, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại.

[9.2] Tòa án cấp phúc thẩm đã khảo sát xác định giá đất thực tế tại nhà đất đang có trả chấp dao động từ $50.000.000\text{đ}/\text{m}^2$ tùy từng thời điểm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn căn cứ vào giá đất tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã định giá là $52.200.000\text{đ}/\text{m}^2$ để làm căn cứ tính giá trị di sản thừa kế.

[10] Về việc Chia di sản thừa kế:

[10.1] Xét đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa đề nghị Chia di sản thừa kế bằng hiện vật, tách thửa và tạo lập ngõ đi để có lối đi vào phần đất phía sau. Bị đơn và nguyên đơn được hưởng diện tích đất, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan (những người thừa kế khác) thống nhất đề nghị được hưởng chung và giao cho nguyên đơn quản lý phần thừa kế của họ thành khối thống nhất. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm những người L quan được hưởng phần di sản

thừa kế theo pháp luật không có mặt nên chưa có căn cứ xác định được những người này có ý kiến thống nhất đề nghị nguyên đơn được nhận thay toàn bộ phần di sản họ được hưởng thành một khối thống nhất hay không và họ có yêu cầu nguyên đơn trả cho họ số tiền tương đương với giá trị đất thừa kế mà họ được hưởng hay không. Vì vậy, đề nghị này của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[10.2] Căn cứ Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, diện tích tối thiểu đủ điều kiện tách thửa đối với đất ở tại đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng là 30m² và cạnh nhỏ nhất của thửa đất phải lớn hơn hoặc bằng 03m. Việc CHa di sản thừa kế cho các đồng thừa kế bằng hiện vật (bằng diện tích đất cụ thể) thì diện tích đất mỗi đồng thừa kế được CHa sẽ không đủ điều kiện để tách thành thửa mới. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm CHa di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo giá trị bằng tiền tương ứng với mỗi kỷ phần đương sự được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật,

Cụ thể mỗi kỷ phần đương sự được hưởng số tiền là 52.200.000 đồng x 11,02 m² = 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

[10.3] Xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, các công trình trên phần diện tích đất là di sản của cụ Hiến và cụ L để lại là do vợ cH bị đơn xây dựng; gia đình bị đơn đã sinh sống ổn định tại đây nhiều năm, nếu phá đi sẽ làm mất giá trị sử dụng của các công trình này; giao toàn bộ di sản của cụ Hiến và cụ L để lại cho vợ cH bị đơn là ông Trần A TH và bà Phạm Thu H quản lý, sử dụng. Ông Trần A TH và bà Phạm Thu H có trách nhiệm thA toán giá trị phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

[10.4] Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo tuy nhiên không cung cấp bổ sung được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[11] Về CH phí tố tụng: Các đương sự đã nộp đầy đủ CH phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên không đặt ra vấn đề giải quyết - quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[12.1] Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH; ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG; ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A, ông Trần A TH, bà Nguyễn Thị M PH, A Trần Duy ThA và chị Trần

M CH; ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH; bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12.2] Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Minh T, bà Trần L H và ông Trần Khải Ho.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định; nguyên đơn được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 và khoản 9 Điều 26; Điều 147, **khoản 1 Điều 308** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 288, 357, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652, 658 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi,

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng **về việc** “TrA chấp thừa kế tài sản”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh T về việc CHa di sản thừa kế là quyền sử dụng đất với diện tích là 94m² đất tại phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L:

1.1. CHa cho ông Trần A TH và bà Phạm Thu H được quyền sử dụng 94m² đất (S1) nằm trong tổng diện tích 237,6m² đất của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 303591-7(-13) hiện là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, Tổ 5, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; thửa đất có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp đất của ông/bà TH Lục: Từ mốc 1 đến mốc 2 dài 9,1m; từ mốc 2 đến mốc 3 dài 2,76m; từ mốc 3 đến mốc 3-1 dài 2,49m.

- Phía giáp với diện tích phần đất phía sau (S2): Từ mốc 3-1 đến mốc 15 dài 7,32m.

- Phía giáp đất của ông/bà L Hà: Từ mốc 15 đến mốc 16 dài 2,68m; từ mốc 16 đến mốc 17 dài 11m.

- Phía giáp đường Hog Thiết TA: Từ mốc 17 đến mốc 1 dài 7,13m.

(có sơ đồ kèm theo)

1.2. Ông Trần A TH và bà Phạm Thu H có trách nhiệm thA toán cho các đồng thừa kế giá trị phần tài sản mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

- ThA toán cho bà Trần Minh T số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho bà Trần L H số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho ông Trần Khải Ho số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Bích Thuận là: Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của ông Trần Văn Thái là: Ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Bích Hòa là: Ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A, ông Trần A TH, bà Nguyễn Thị M PH, A Trần Duy ThA và chị Trần M CH số tiền là: 878.004.000đ (*Tám trăm bảy mươi tám triệu, không trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần BH là: Ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

- ThA toán cho những người được hưởng thừa kế của bà Trần Thị Bích Hiệp là: Bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH số tiền là: 575.244.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh T về việc CHa di sản thừa kế của cụ Trần Văn Hiến và cụ Nguyễn Thị L là 02 căn nhà (mỗi căn khoảng 40m²) tại số 03 và số 05 phố Lê Lợi cũ, nay là nhà số 127 phố Hog Thiết TA, phường Bắc S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L H, ông Nguyễn Đình D, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị PH M, bà Nguyễn Thị PH L, bà Nguyễn Thị Minh TA, ông Nguyễn Đình PH L đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.010.000đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng*).

- Ông Trần Như S, bà Trần Thị Cẩm T, ông Trần Bảo L, bà Trần Thị Cẩm TH, bà Trần Bảo NG L đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.010.000đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng*).

- Ông Trần TU A, ông Trần V C, bà Trần Vân A, ông Trần A TH, bà Nguyễn Thị M PH, A Trần Duy ThA và chị Trần M CH L đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 38.340.000đ (*Ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn A V, ông Nguyễn V H, bà Nguyễn Thị T M, ông Nguyễn V PH L đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.010.000đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Bích NG, ông Nguyễn Quốc TU, ông Nguyễn Quốc D, ông Nguyễn Quốc TH L đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 27.010.000đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng*).

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Minh T, bà Trần L H và ông Trần Khải Ho.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Minh T được miễn án phí dân sự phúc thẩm, ông Trần A TH phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- CH cục THADS quận Kiến An;
- TAND quận Kiến An;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- CH cục THADS huyện An D;
- TAND huyện An D;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng